

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**  
**Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành,**  
**Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh**  
**Tel: 08 3943 5447 Fax: 08 3943 5446**

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**  
Cho năm tài chính 2010  
Kèm theo  
**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

---

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**  
**Số 03 ngõ 1295 đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội**  
**Tel: 043 974 50 81/82 Fax: 043 974 50 83**  
*Hà Nội, tháng 03 năm 2011*

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang số</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010	07 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2010	11
Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2010	12 - 26
Phụ lục 01 - Tình hình tăng giảm tài sản cố định	27
Phụ lục 02 - Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	28

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Địa chỉ: Tầng 4, Toà nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, P. 12, Q.4, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 08 3943 5447 Fax: 08 3943 5446

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

---

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh gọi tắt là “Công ty” đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

### **Khái quát về công ty**

Công ty Cổ phần Hải Minh hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000801 ngày 24/01/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã có 10 lần thay đổi đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 10 vào ngày 21/01/2010.

Theo đó: vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: **100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng chẵn)**.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, mua bán máy móc thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hoá, dịch vụ giao nhận hàng hoá, dịch vụ vận chuyển hàng hoá đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý tàu biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thuỷ - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán, cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp./.

Công ty có trụ sở tại: Tầng 4, Toà nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tại thời điểm lập Báo cáo này gồm có:**

### **Hội đồng quản trị:**

- |                           |          |
|---------------------------|----------|
| • Ông Nguyễn Quốc Hùng    | Chủ tịch |
| • Ông Phùng Văn Quang     | Uỷ viên  |
| • Ông Nguyễn Thành Chương | Uỷ viên  |
| • Ông Nguyễn Văn Hà       | Uỷ viên  |
| • Ông Nguyễn Trung Kiên   | Uỷ viên  |
| • Bà Nguyễn Mỹ Hải        | Uỷ viên  |

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Địa chỉ: Tầng 4, Toà nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, P. 12, Q.4, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 3943 5447 Fax: 08 3943 5446

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

---

### ***Ban Giám đốc:***

- Ông Nguyễn Thành Chương Giám đốc
- Ông Nguyễn Thế Hưng Kế toán trưởng

### **Kiểm toán viên độc lập**

Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Hải Minh được thực hiện bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

### **Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này từ trang 07 đến trang 28.

### **Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ và lập Báo cáo tài chính**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 31/12/2010 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính năm 2010.

### **Tại báo cáo này Ban Giám đốc Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây:**

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc;
- Tài sản mà Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Công ty đang sử dụng;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính;
- Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2010;



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, P. 12, Q.4, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 3943 5447 Fax: 08 3943 5446

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

---

- Báo cáo tài chính đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Quy định hiện hành về kế toán của Việt Nam;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch kinh doanh của mình trong các năm tài chính tiếp theo.

*Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc*

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

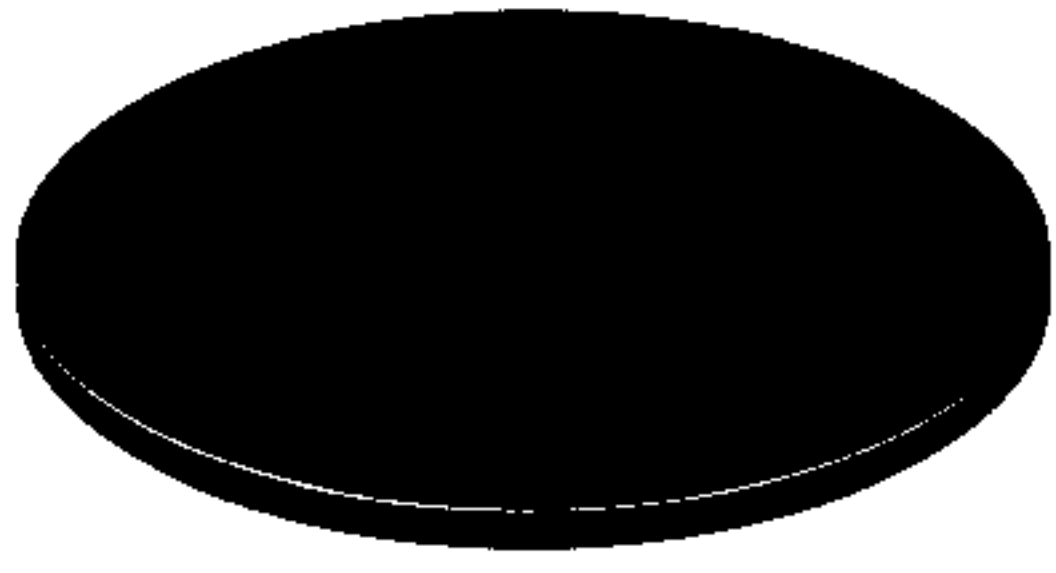


**NGUYỄN THÀNH CHƯƠNG**

**Giám đốc**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2011*

*15/1 - B.Đ.Đ.Đ.Đ.*



# CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 \* Fax: (84) 4 3974 5083

Email: cpahanoi@fpt.vn Website: www.cpahanoi.com

# AicA

Ngày 01 tháng 03 năm 2011

Số: 140/CPAHANOI-BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP** *về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010* *của Công ty Cổ phần Hải Minh*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Hải Minh bao gồm: Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính như đã trình bày từ trang 07 đến trang 28 được lập theo các quy định của Chế độ kế toán Việt Nam nêu tại các thuyết minh số II, III, IV và V trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết nhằm thu thập các bằng chứng xác minh những số liệu và thông tin được trình bày trong báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính.

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hải Minh đã:

- (a) Phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- (b) Phù hợp với Chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 10 bản tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Hải Minh giữ 09 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

**Kiểm toán viên**



---

**Trần Thị Kim Thoa**  
Chứng chỉ kiểm toán viên  
số: 1303 /KTV

**Phó Tổng Giám đốc**



---

**Tô Quang Tùng**  
Chứng chỉ kiểm toán viên  
số: 0270/KTV

10/1/2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P. 12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 08 3943 5447 Fax: 08 3943 5446

Mẫu số B01-DN  
Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VNĐ

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>43,670,286,981</b>	<b>30,561,953,281</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>24,365,274,487</b>	<b>13,106,167,200</b>
1	Tiền	111	V.1	2,865,274,487	1,106,167,200
2	Các khoản tương đương tiền	112	V.2	21,500,000,000	12,000,000,000
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>3,241,840,000</b>
1	Đầu tư ngắn hạn	121	V.3	-	4,190,890,000
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	(949,050,000)
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>18,465,064,911</b>	<b>13,348,727,219</b>
1	Phải thu khách hàng	131	V.4	13,963,566,811	5,054,958,117
2	Trả trước cho người bán	132	V.5	-	15,032,600
3	Các khoản phải thu khác	138	V.6	4,501,498,100	8,278,736,502
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>265,534,500</b>
1	Hàng tồn kho	141	V.7	-	265,534,500
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>839,947,583</b>	<b>599,684,362</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	557,182,531	217,580,737
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.9	-	16,686,267
3	Các khoản thuế phải thu	152		-	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	282,765,052	365,417,358
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>67,501,887,831</b>	<b>63,621,961,227</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17,610,949,934</b>	<b>19,521,097,927</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	17,610,949,934	19,516,847,922
	- Nguyên giá	222	V.11	27,018,427,726	26,008,902,613
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	V.11	(9,407,477,792)	(6,492,054,691)
2	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	-	4,250,005
	- Nguyên giá	228	V.12	17,000,000	17,000,000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	V.12	(17,000,000)	(12,749,995)
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>49,496,512,500</b>	<b>43,837,212,500</b>
1	Đầu tư vào công ty con	251	V.13	35,810,182,500	35,810,182,500
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	6,386,330,000	4,127,030,000
3	Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	7,300,000,000	3,900,000,000
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>394,425,397</b>	<b>263,650,800</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	133,178,619	-
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3	Tài sản dài hạn khác	268	V.16	261,246,778	263,650,800
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>111,172,174,812</b>	<b>94,183,914,508</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Địa chỉ: Tầng 4, Toà nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P. 12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: 08 3943 5447 Fax: 08 3943 5446

Mẫu số B01-DN  
**Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31/12/2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31/12/2010

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)</b>	<b>300</b>		<b>14,216,178,064</b>	<b>3,960,504,456</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>14,045,100,011</b>	<b>3,782,426,403</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2	Phải trả người bán	312	V.17	11,945,128,808	2,274,749,534
3	Người mua trả tiền trước	313	V.18	-	31,185,000
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	1,314,526,594	497,739,491
5	Phải trả công nhân viên	315		8,826,474	11,628,431
6	Chi phí phải trả	316	V.20	29,540,272	36,000,000
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.21	95,987,914	3,296,198
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		651,089,949	927,827,749
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>171,078,053</b>	<b>178,078,053</b>
1	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		171,078,053	178,078,053
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)</b>	<b>400</b>		<b>96,955,996,748</b>	<b>90,223,410,052</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>96,955,996,748</b>	<b>90,223,410,052</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	56,163,800,000	56,163,800,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	19,339,670,000	19,339,670,000
3	Cổ phiếu ngân quỹ	413	V.22	(1,901,520,795)	-
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414		-	-
5	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415	V.22	-	-
6	Quỹ đầu tư phát triển	416	V.22	742,424,655	742,424,655
7	Quỹ dự phòng tài chính	417	V.22	1,880,650,069	1,230,650,069
8	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		-	-
9	Lợi nhuận chưa phân phối	419	V.22	20,730,972,819	12,746,865,328
10	Nguồn vốn đầu tư Xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>111,172,174,812</b>	<b>94,183,914,508</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Địa chỉ: Tầng 4, Toà nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P. 12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: 08 3943 5447 Fax: 08 3943 5446

Mẫu số B01-DN  
 Báo cáo tài chính  
 cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31/12/2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31/12/2010

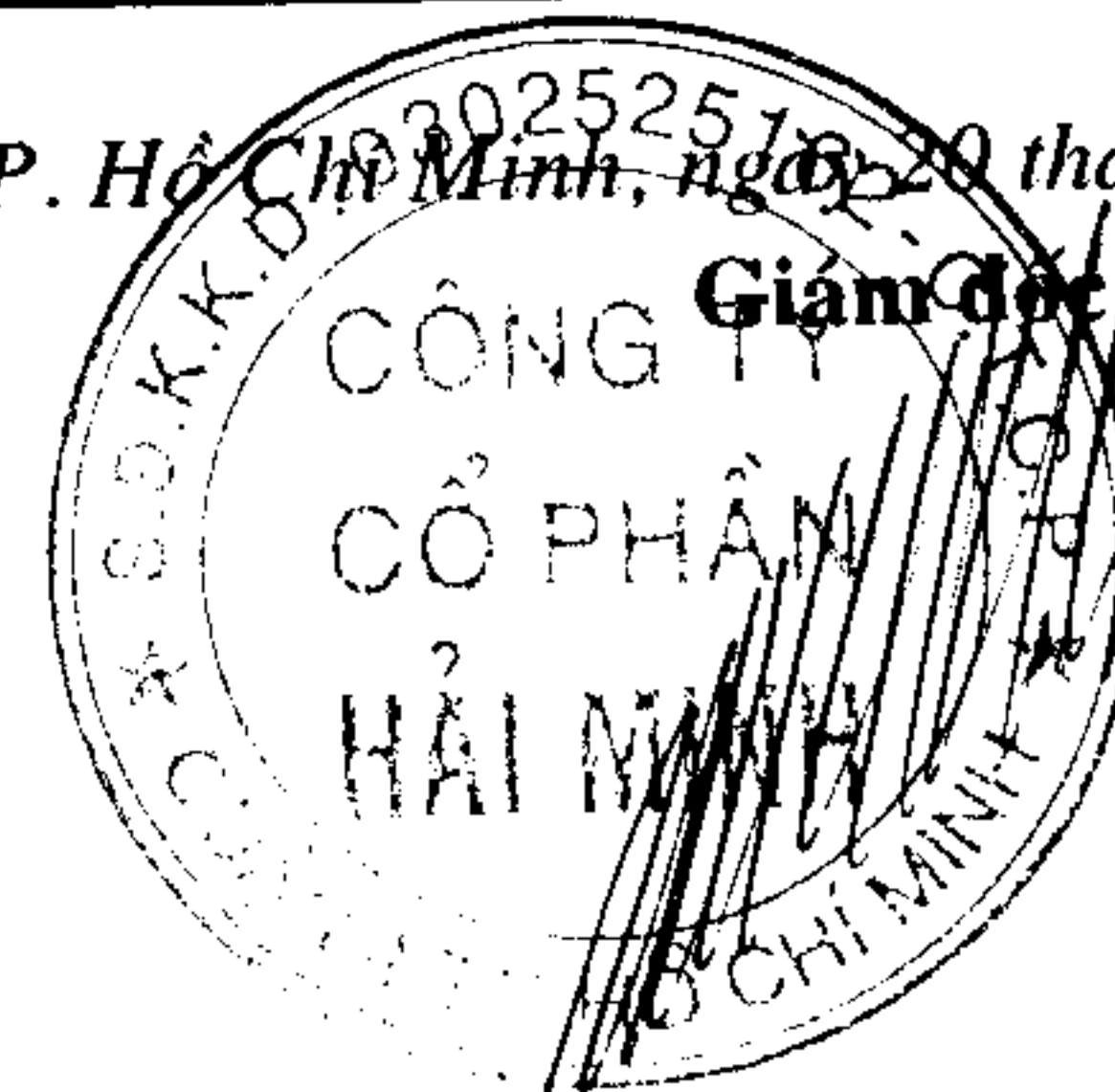
**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Tài sản thuê ngoài				
2	Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công				
3	Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi				
4	Nợ khó đòi đã xử lý				
5	Ngoại tệ các loại				
	- USD			29,253.65	7,014.63
	- SGD			1,750.00	246.00
6	Dự toán chi hoạt động				

Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Hưng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2011



Nguyễn Thành Chương

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Địa chỉ: Tầng 4, Toà nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P. 12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: 08 3943 5447 Fax: 08 3943 5446

Mẫu số B02-DN  
 Báo cáo tài chính  
 cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31/12/2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

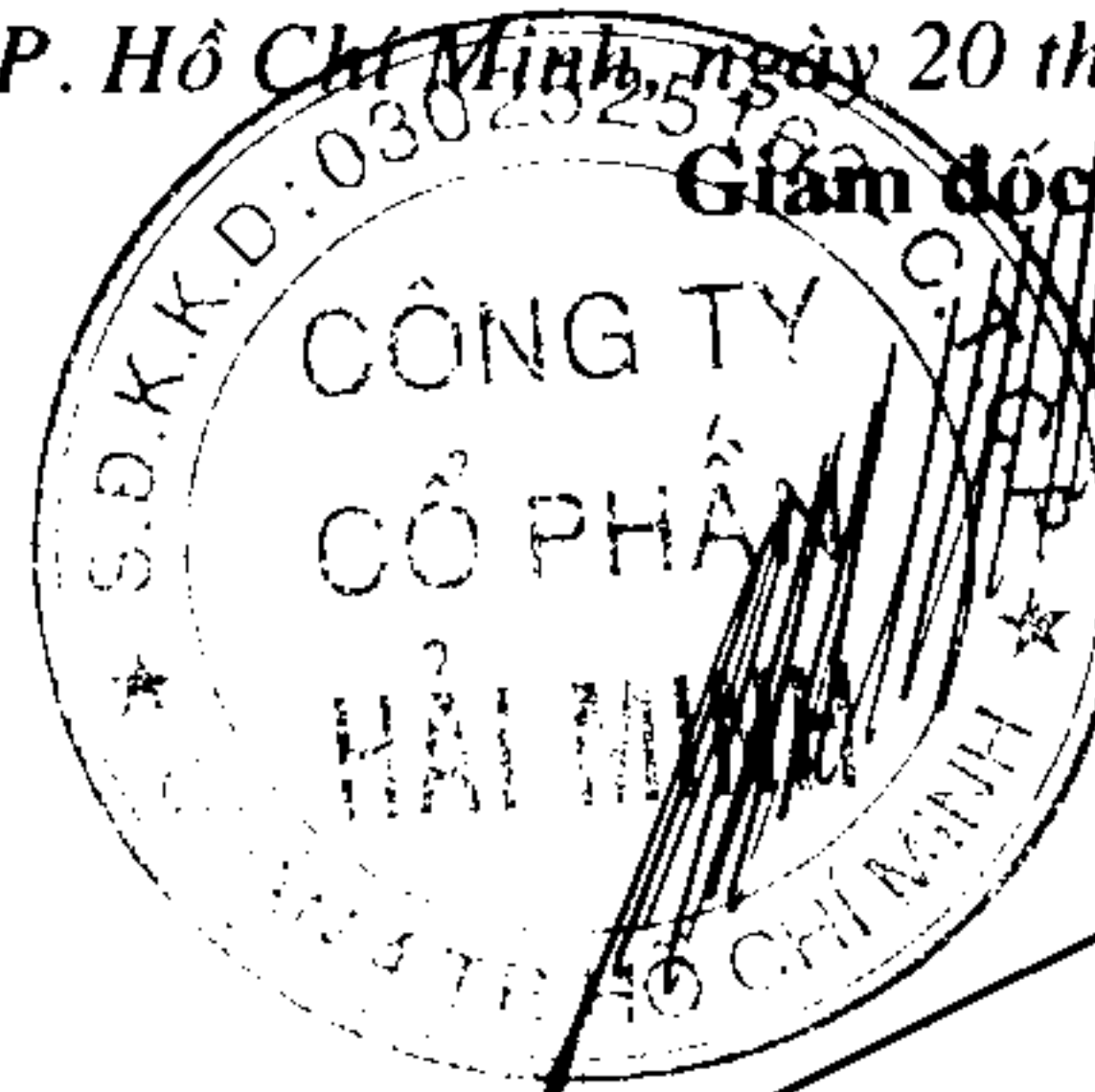
TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	V.23	33,461,292,668	34,754,382,956
2	Các khoản giảm trừ	3		-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.23	33,461,292,668	34,754,382,956
4	Giá vốn hàng bán	11	V.24	25,328,039,174	29,766,028,653
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8,133,253,494	4,988,354,303
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.25	24,671,330,663	12,942,888,377
7	Chi phí tài chính	22	V.26	121,294,270	656,654,085
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8	Chi phí bán hàng	24		-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.27	3,753,261,784	2,083,760,169
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28,930,028,103	15,190,828,426
11	Thu nhập khác	31	V.28	124,846,806	-
12	Chi phí khác	32	V.29	45,205,881	18,513,946
13	Lợi nhuận khác	40		79,640,925	(18,513,946)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29,009,669,028	15,172,314,480
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2,265,748,959	628,944,812
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26,743,920,069	14,543,369,668
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4,917	2,674

Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Hưng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Giám đốc



Nguyễn Thành Chương

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Địa chỉ: Tầng 4, Toà nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P. 12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 08 3943 5447 Fax: 08 3943 5446

Mẫu số B03-DN

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

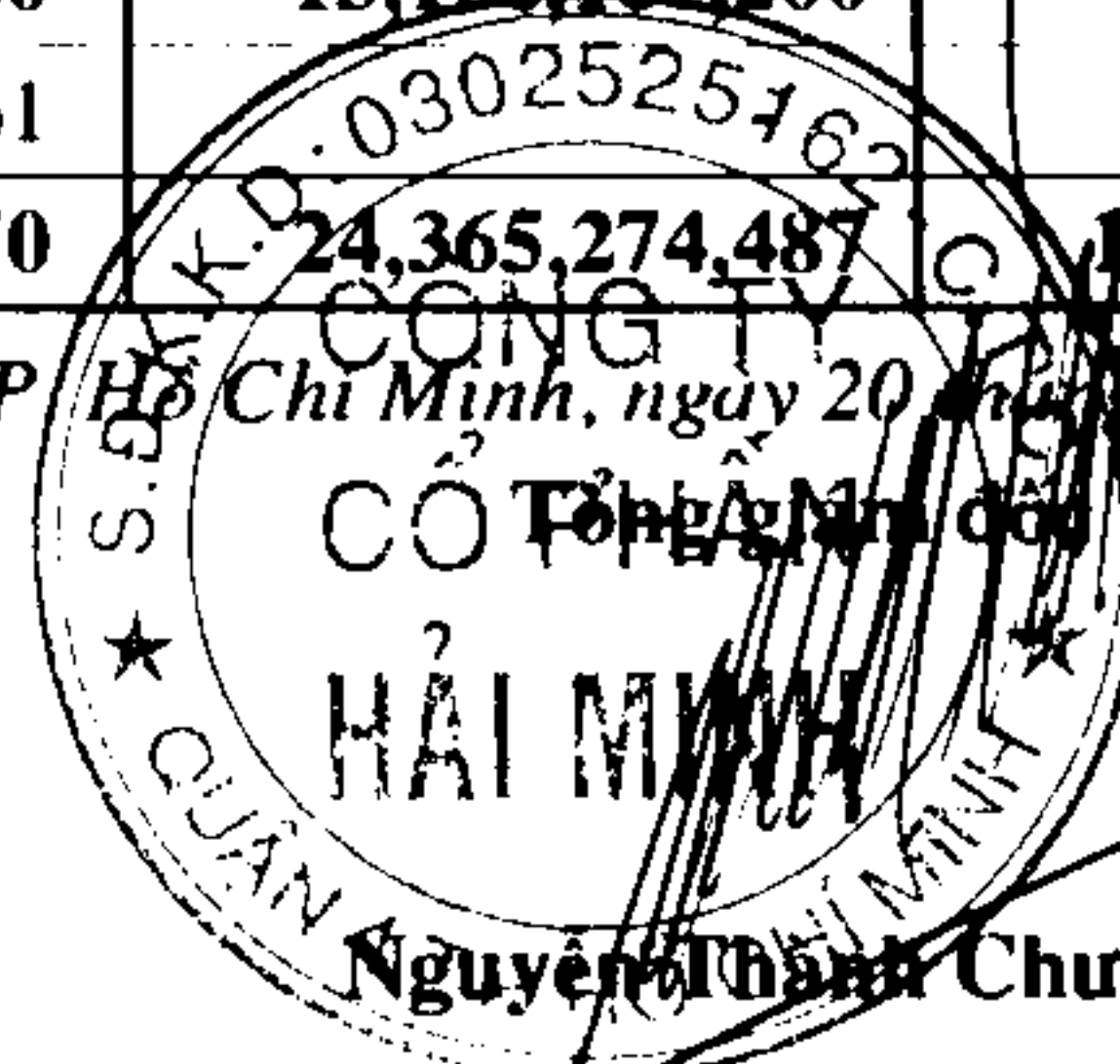
Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1	Lợi nhuận trước thuế	01	29,009,669,028	15,172,314,480
2	Điều chỉnh cho các khoản		(22,348,436,521)	(9,184,081,995)
2.1	Khấu hao Tài sản cố định	02	3,224,393,884	3,037,307,198
2.2	Các khoản dự phòng	03	(949,050,000)	242,480,000
2.3	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
2.4	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(24,623,780,405)	(12,463,869,193)
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6,661,232,507	5,988,232,485
3.1	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(5,033,685,386)	10,110,677,655
3.2	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	265,534,500	-
3.3	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	10,265,196,384	(509,451,955)
3.4	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(339,601,794)	1,089,515,014
3.5	Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
3.6	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1,719,332,352)	(74,793,533)
3.7	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	88,026,674	(126,393,911)
3.8	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	296,957,126	(983,962,217)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>10,484,327,659</b>	<b>15,493,823,538</b>
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1,447,424,510)	(1,237,383,535)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	124,545,454	4,775,066,200
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(40,810,000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	1,521,000,000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5,659,300,000)	(13,000,000,000)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4,415,810,000	300,000,000
7	Tiền thu lợi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21,914,219,479	12,463,869,193
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>19,347,850,423</b>	<b>4,781,741,858</b>
<b>III</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đó phát hành	32	(1,901,520,795)	-
3	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16,671,550,000)	(1,232,760,000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(18,573,070,795)</b>	<b>(11,232,760,000)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>11,259,107,287</b>	<b>9,042,805,396</b>
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13,106,167,200	4,063,361,804
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>24,365,274,487</b>	<b>13,106,167,200</b>

Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Hưng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2011



Nguyễn Văn Chương

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu**

Công ty Cổ phần Hải Minh, gọi tắt là "Công ty", hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000801 ngày 24/01/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã có 10 lần thay đổi đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 10 vào ngày 21/01/2010.

Theo đó: vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: **100.000.000.000 (Một trăm tỷ đồng chẵn)**.

Công ty có trụ sở tại: Tầng 4, Toà nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

#### **2. Lĩnh vực hoạt động của Công ty**

Sản xuất, mua bán máy móc thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hoá, dịch vụ giao nhận hàng hoá, dịch vụ vận chuyển hàng hoá đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý tàu biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thuỷ - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán, cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp./.

### **II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đ)

### **III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn kèm theo phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh tại Công ty.

#### **2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **3. Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Hải Minh tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## **IV. Các Chính sách kế toán áp dụng**

Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính:

### **1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác**

#### **- Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

#### **- Lập dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

### **3. Ghi nhận TSCĐ và khấu hao tài sản cố định**

#### **- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận theo ba tiêu thức nguyên giá, hao mòn và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Khấu hao TSCĐ hữu hình được thực hiện theo phương pháp đường thẳng, căn cứ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính và nguyên giá của tài sản. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Mức khấu hao cụ thể như sau:

<b>Loại TSCĐ</b>	<b>Thời gian sử dụng</b>
------------------	--------------------------

- Phương tiện vận tải	Từ 06 - 10 năm
-----------------------	----------------



- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 năm
- Website 03 năm

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua cổ phiếu, trái phiếu.

**5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Đối với quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, Công ty thực hiện trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

**6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

**7. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**8. Các nghĩa vụ về thuế**

Công ty áp dụng chính sách thuế theo quy định của các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu và các quỹ**

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các quỹ của Công ty được trích lập theo quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

**10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu trong kỳ của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải, khai thác cảng, dịch vụ đại lý, doanh thu từ lãi tiền gửi, thu cổ tức, hoạt động mua bán chứng khoán.

- **Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- **Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc niên độ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc niên độ kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu từ dịch vụ vận tải được xác định theo hợp đồng kinh tế, biên bản xác nhận dịch vụ hoàn thành và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

- **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch giữa giá bán và giá mua. Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010

(tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

## 1. Tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tiền mặt</b>	<b>152,018,023</b>	<b>371,439,728</b>
Tiền Việt Nam	78,837,677	304,632,848
Ngoại tệ (USD)	47,481,456	63,663,000
Ngoại tệ (SGD)	25,698,890	3,143,880
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>2,713,256,464</b>	<b>734,727,472</b>
<i>Tiền Việt Nam</i>	<i>2,206,907,818</i>	<i>692,636,980</i>
Công ty Cổ phần chứng khoán ANPHA	9,113,713	-
Công ty Cổ phần chứng khoán NHNN&PTNT Việt Nam	1,151,549	5,788,975
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2,032,928,868	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN TP Hồ Chí Minh	158,489,369	636,917,576
Ngân hàng TNHH Indovina	5,224,319	49,930,429
<i>Ngoại tệ (USD)</i>	<i>506,348,646</i>	<i>42,090,492</i>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	351,137,105	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN TP Hồ Chí Minh	2,653,131	1,891,880
Ngân hàng TNHH Indovina	152,558,410	40,198,612
<b>Cộng</b>	<b>2,865,274,487</b>	<b>1,106,167,200</b>

## 2. Các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Hàng Hải	21,500,000,000	12,000,000,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>21,500,000,000</b>	<b>12,000,000,000</b>

## 3. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Cung ứng và Dịch vụ kỹ thuật Hàng hải	-	3,200,000,000
Công ty CP GEMADEPT (GMD)	-	148,000,000
Công ty CP Cơ điện lạnh (REE)	-	487,310,000
Công ty CP Đầu tư phát triển Đô thị và KCN Sóng Đà (SJS)	-	83,000,000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	-	272,580,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>4,190,890,000</b>

## 4. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP CN CO WIN FASTENERS VIET NAM	3,150,335	-
Công ty Cổ phần Hàng Hải Sài Gòn	-	73,680,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	4,831,800	-
Công ty Cổ phần Nhật Việt	100,750,650	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P. 12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 08 3943 5447 Fax: 08 3943 5446**Thuyết minh báo cáo tài chính**cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010**

(tiếp theo)

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải - CN TP Hồ Chí Minh	118,330,000	92,600,000
Công ty HHGNVTDVMTQT Liên Hải	48,530,000	123,150,000
Công ty LD GN VT Trimax	6,435,000	-
Công ty LD khai thác container Việt Nam - CN TP HCM	816,286,526	1,048,358,918
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	38,425,000	19,240,000
Công ty TNHH Giao nhận Tam Giang	-	120,343,920
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam ("K" Line TPHCM)	1,876,993,999	1,187,583,928
Công ty TNHH Airon Ware Fasteners VN	5,775,600	-
Công ty TNHH DV Tàu Biển Nhất Trí	10,237,500	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Giang Nam	160,000,000	-
Công ty TNHH GN TC á Dương Châu	6,882,645	-
Công ty TNHH GNVN Sao Thái Bình Dương	81,900,000	-
Công ty TNHH DV Hàng Hải JARDINE ( VN )	23,010,000	-
Công ty TNHH DV VTB Việt Sao ( VN)	13,650,000	-
Công ty TNHH Maersk VN	2,080,145	-
Công ty TNHH Hapag - Lloyd (Việt Nam)	4,273,171,500	-
Công ty TNHH may mặc XK TM DV An Phúc	7,662,213	-
Công ty TNHH May MILLION WIN - VN	4,631,286	-
Công ty CP Khải Vy	77,047,000	-
Công ty CP Kỹ Thuật Gia Hưng	1,228,500	-
Công ty TNHH Hải Thanh Thanh	-	730,800,969
Công ty TNHH MTV Hàng Hải Hà Nội Phía Nam	-	12,480,000
Công ty TNHH NSK GLOBAL TEXTILE	781,446,591	-
Công ty TNHH NYKLine Việt Nam	-	7,072,859
Công ty TNHH Sanil Vina VN	8,069,615	-
Công ty TNHH SEUNG TEA VN	-	-
Công ty TNHH SX TM DV Lệ Minh	30,054,235	-
Công ty TNHH SX TM Văn Nam Việt	-	30,000,000
Công ty TNHH SX VT TM DV Khải Vy	-	89,080,000
Công ty TNHH TAEKWANG	-	-
Công ty TNHH Thế Xương	544,174,014	-
Công ty TNHH TM DV Đầu tư Phát Vinh	94,795,000	-
Công ty TNHH Trang trí nội thất Đại Gia	-	6,840,000
Công ty TNHH Trường Thịnh	149,579,924	102,700,000
Công ty TNHH Tuyển T.S	-	77,242,220
Công ty TNHH Vận tải & Đại lý Vận tải đa phương thức	-	31,185,000
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Phương Hoàng	-	910,737,515
Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	74,987,000	66,386,250
Công ty TNHH Vạn Thiên Khang	34,300,250	-
Công ty Ty CP Tiếp Vận Vịnh Bắc Bộ	3,510,000	-
Công ty CP Quốc Tế Sơn Hà	-	-
Công ty TNHH DV VT HH Ngôi Sao Việt Nam	7,410,000	-
Công ty TNHH VT & Đại lý Vận tải đa phương thức CN HCM	-	31,100,000
Công ty TNHH VT & XD H.T.N	4,470,000	9,760,000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P. 12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 08 3943 5447 Fax: 08 3943 5446**Thuyết minh báo cáo tài chính**cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010**

(tiếp theo)

Công ty TNHH VTB Thăng Lợi	26,400,000	-
Công ty Vận tải biển container VINALINES	612,400,000	-
Cảng Bông Sen	28,806,000	-
CN C.ty CP VT & Thuê tàu (Vietfracht HCM)	65,325,000	-
Công Ty TNHH VTB ĐS Thanh Niên Phương Đông	253,207,500	-
DNTN Vận tải Tuấn Hùng	152,590,000	245,840,000
Dongbu Express	24,690,815	-
Dongbu - HaiMinh Logistic Co.,Ltd	399,555,250	-
Công ty TNHH HANJIN SHIPPING VIETNAM	1,453,530,000	-
SAMUDERA SHIPPING LINE LTD.	318,834,918	-
YANG MING MARINE TRANSPORT CORP	1,214,421,000	-
Công ty LD Phát triển Tiếp vận số 1	-	14,400,000
Công ty TNHH TMDV Vận tải Khang Thịnh	-	10,032,498
Công ty TNHH Vận tải biển Tín Nghĩa	-	14,344,040
<b>Cộng</b>	<b>13,963,566,811</b>	<b>5,054,958,117</b>
<b>5. Trả trước cho người bán</b>	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Công ty TNHH Nhật Anh	-	15,032,600
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>15,032,600</b>
<b>6. Các khoản phải thu khác</b>	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	500,000,000	-
BHXX	3,053,200	-
Teguh Basuseto	67,183,000	-
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	3,811,147,443	90,854,463
Cán bộ công nhân viên	118,862,957	24,095,687
Cổ đông Hải Phòng	-	4,942,951,500
Cổ đông TP Hồ Chí Minh	-	3,215,233,500
Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín	90,000	-
Trần Thị Thuý	-	5,300,000
Khác	1,161,500	301,352
<b>Cộng</b>	<b>4,501,498,100</b>	<b>8,278,736,502</b>
<b>7. Hàng tồn kho</b>	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Công cụ, dụng cụ	-	265,534,500
<b>Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>-</b>	<b>265,534,500</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010**  
(tiếp theo)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bảo hiểm	168,853,000	179,980,737
Phí tư vấn chứng khoán	-	20,000,000
Thiết kế văn phòng	302,563,616	-
Thiết bị GPS	18,341,667	-
Vỏ xe ô tô	67,424,248	-
Mạng cáp quang FPT	-	17,600,000
<b>Cộng</b>	<b>557,182,531</b>	<b>217,580,737</b>
9. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ	-	16,686,267
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>16,686,267</b>
10. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tạm ứng</b>	<b>282,765,052</b>	<b>365,417,358</b>
Huỳnh Thắng Hùng	1,000,000	-
Nguyễn Quang Minh	3,160,854	-
Đông Đức Thắng	17,568,557	73,716,557
Phan Khánh	133,752,301	166,952,301
Trần Minh Nghĩa	42,226,890	7,154,500
Phạm Ngọc Huy	7,000,000	-
Nguyễn Thành Trung	20,000,000	-
Trương Phước Tri	20,536,450	88,414,000
Hồ Kỳ Huy	-	1,500,000
Nguyễn Tấn Quang	37,520,000	22,680,000
Nguyễn Văn Quyết	-	5,000,000
<b>Cộng</b>	<b>282,765,052</b>	<b>365,417,358</b>

## 11. Tài sản cố định hữu hình &lt;Chi tiết tại phụ lục số 01&gt;

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010**

(tiếp theo)

**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<i>Phân mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>		
<i>Số dư ngày 01/01/2010</i>	17,000,000	17,000,000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<i>Số dư ngày 31/12/2010</i>	17,000,000	17,000,000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<i>Số dư ngày 01/01/2010</i>	12,749,995	12,749,995
Khấu hao trong năm	4,250,005	4,250,005
Giảm trong năm	-	-
<i>Số dư ngày 31/12/2010</i>	17,000,000	17,000,000
<b>Giá trị còn lại</b>		
<i>Tại ngày 01/01/2010</i>	4,250,005	4,250,005
<i>Tại ngày 31/12/2010</i>	-	-

**13. Đầu tư vào công ty con**

	Tỷ lệ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	96.08%	24,500,000,000	24,500,000,000
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	100%	10,000,000,000	10,000,000,000
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	55.29%	1,310,182,500	1,310,182,500
<b>Cộng</b>		<b>35,810,182,500</b>	<b>35,810,182,500</b>

\* Tỷ lệ sở hữu vốn trong các công ty con không thay đổi trong năm tài chính.

**14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	Tỷ lệ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	49%	3,902,030,000	3,902,030,000
Công ty TNHH Hải Thanh Thanh	45%	-	225,000,000
Công ty TNHH Tiếp Vận DongBu Hải Minh	49%	2,484,300,000	-
<b>Cộng</b>		<b>6,386,330,000</b>	<b>4,127,030,000</b>

\* Tỷ lệ sở hữu vốn của các công ty liên kết trong năm không thay đổi ngoại trừ với Công ty TNHH Hải Thanh Thanh đã thoái vốn trong năm.

**15. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	5,000,000,000	3,000,000,000
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển	1,800,000,000	900,000,000
Quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á	500,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>7,300,000,000</b>	<b>3,900,000,000</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010**  
(tiếp theo)

**16. Tài sản dài hạn khác**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>133,178,619</b>	-
Máy vi tính văn phòng	102,122,477	-
Máy thủy lực của xe nâng	31,056,142	-
<b>Ký cược, ký quỹ dài hạn</b>	<b>261,246,778</b>	<b>263,650,800</b>
Đặt cọc tiền nhà Hồ Tùng Mậu	-	136,416,000
Đặt cọc tiền nhà Nguyễn Tất Thành	-	127,234,800
Đặt cọc tiền nhà Đinh Lễ	256,246,778	-
Đặt cọc làm thẻ taxi	5,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>394,425,397</b>	<b>263,650,800</b>

**17. Phải trả người bán**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải - CN TP HCM	120,368,100	69,321,927
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải - CN Vũng Tàu	159,467,000	189,865,000
Công ty CP VW-WATERFRONT Việt Nam	15,274,600	17,866,100
Công ty LD Khai thác Container Việt Nam - CN TP HCM	-	8,150,000
Công ty Tiếp Vận Hoàng Nam	34,830,000	-
Công ty TNHH Mitsui O.S.K Lines (VN)	15,972,255	-
Công ty TNHH DVTM Giang Nam	-	213,640,376
Công ty TNHH MTV - TCT Tân Cảng SG	-	-
Công ty TNHH Sagawa Express Việt Nam	62,195,870	-
Công ty TNHH TM DV Thanh Triều	5,600,000	-
DongBu Express	1,462,849,960	-
SAMUDERA SHIPPING LINE LTD.	10,068,571,023	-
Tinbella Shipping Agencies Ltd	-	763,415,205
Xí nghiệp Xây dựng Lắp máy Thăng Long	-	15,032,600
Công ty Cổ phâng Việt Viễn Đông	-	9,082,616
DNTN Trí Tâm	-	163,703,740
HTX Vận tải số 9	-	75,500,000
TEREX CRANES FRANCE SAS	-	749,171,970
<b>Cộng</b>	<b>11,945,128,808</b>	<b>2,274,749,534</b>

**18. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Vận tải & Đại lý Vận tải đa phương thức	-	31,185,000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>31,185,000</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010**

(tiếp theo)

**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế GTGT	85,142,096	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,083,611,311	466,138,650
Thuế thu nhập cá nhân	107,555,454	31,600,841
Các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước khác	38,217,733	-
<b>Cộng</b>	<b>1,314,526,594</b>	<b>497,739,491</b>

**20. Chi phí phải trả**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước sửa chữa nhà Hồ Tùng Mậu	-	36,000,000
Trích trước tiền điện nhà Đinh Lê	17,148,415	-
Thuê nhà 4 Nguyễn Tất Thành	12,391,857	-
<b>Cộng</b>	<b>29,540,272</b>	<b>36,000,000</b>

**21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	95,805,214	-
Bảo hiểm y tế	182,700	-
Cán bộ công nhân viên TP Hồ Chí Minh	-	3,296,198
<b>Cộng</b>	<b>95,987,914</b>	<b>3,296,198</b>

**22. Vốn chủ sở hữu****22.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại phụ lục số 02>****22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn góp của các cổ đông	56,163,800,000	56,163,800,000
<b>Cộng</b>	<b>56,163,800,000</b>	<b>56,163,800,000</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010

(tiếp theo)

## 22.3 Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	10,000,000	10,000,000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	5,616,380	5,616,380
Cổ phiếu phổ thông:	5,438,790	5,438,790
Cổ phiếu ưu đãi cổ tức:	177,590	177,590
Số lượng cổ phiếu được mua lại:	84,900	-
Cổ phiếu phổ thông:	84,900	-
Cổ phiếu ưu đãi cổ tức:	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	5,531,480	5,616,380
Cổ phiếu phổ thông:	5,353,890	5,438,790
Cổ phiếu ưu đãi cổ tức:	177,590	177,590

**Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu**

\* Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi hàng năm sẽ được hưởng cổ tức ổn định hàng năm là 20% tính trên mệnh giá cổ phần.

\* Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 175/HĐQT-HM ngày 23/11/2010 sẽ mua 250.000 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ được thực hiện từ ngày 02 tháng 12 năm 2010 đến ngày 10 tháng 02 năm 2011.

## 22.4 Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	742,424,655	742,424,655
Quỹ dự phòng tài chính	1,880,650,069	1,230,650,069
<b>Cộng</b>	<b>2,623,074,724</b>	<b>1,973,074,724</b>

## VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

## 23 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ vận tải	17,325,698,950	22,702,665,334
Dịch vụ khai thác cảng	9,475,137,057	9,314,959,741
Dịch vụ đại lý	6,168,808,591	-
Dịch vụ khác	491,648,070	1,768,627,979
Hàng nhập khẩu	-	968,129,902
<b>Cộng</b>	<b>33,461,292,668</b>	<b>34,754,382,956</b>

## 24 Giá vốn bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ vận tải	17,764,443,282	24,351,283,648
Dịch vụ khai thác cảng	6,025,994,869	4,456,682,840
Dịch vụ đại lý	1,537,601,023	-
Hàng nhập khẩu	-	958,062,165
<b>Cộng</b>	<b>25,328,039,174</b>	<b>29,766,028,653</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010**

(tiếp theo)

**25 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1,749,145,159	509,192,987
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	970,561,184	476,331,489
Đầu tư chứng khoán	1,786,550,000	8,497,924
Lợi nhuận được chia từ Công ty liên kết	9,114,321,370	11,948,865,977
Lợi nhuận được chia từ Công ty con	11,050,752,950	-
<b>Cộng</b>	<b>24,671,330,663</b>	<b>12,942,888,377</b>

**26 Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán	94,227,720	248,778,945
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	27,066,550	407,875,140
<b>Cộng</b>	<b>121,294,270</b>	<b>656,654,085</b>

**27 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1,304,959,972	878,906,050
Chi phí vật liệu quản lý	84,789,450	75,510,900
Chi phí đồ dùng văn phòng	157,118,720	53,994,441
Chi phí khấu hao TSCĐ	110,530,731	40,143,714
Thuế, phí, lệ phí	32,949,147	17,150,763
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,635,941,722	794,438,126
Chi phí bằng tiền khác	426,972,042	223,616,175
<b>Cộng</b>	<b>3,753,261,784</b>	<b>2,083,760,169</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010

(tiếp theo)

## 28 Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	124,545,454	-
Khác	301,352	-
<b>Cộng</b>	<b>124,846,806</b>	<b>-</b>

## 29 Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phạt chậm nộp thuế	44,904,529	17,563,946
Khác	301,352	950,000
<b>Cộng</b>	<b>45,205,881</b>	<b>18,513,946</b>

## VIII Những thông tin khác

## 1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các báo cáo tài chính.

## 2. Những thông tin khác

## 2.1 Giao dịch với các bên liên quan

a. Số dư giao dịch với các bên liên quan	Quan hệ với Công ty	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Các khoản phải thu</b>		<b>6,226,566,442</b>	<b>2,028,479,360</b>
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	Công ty con	3,811,147,443	90,854,463
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	Công ty con	538,425,000	19,240,000
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	Công ty liên kết	1,876,993,999	1,187,583,928
Công ty TNHH Hải Thanh Thanh	Công ty liên kết	-	730,800,969
<b>Các khoản phải trả</b>		<b>34,830,000</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam	Công ty con	34,830,000	-
		<b>6,261,396,442</b>	<b>2,028,479,360</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010**  
(tiếp theo)

<i>b. Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Giám đốc</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thù lao của Hội đồng quản trị	585,000,000	610,000,000
Lương của Giám đốc	380,748,000	326,000,000
<b>Cộng</b>	<b>965,748,000</b>	<b>936,000,000</b>

<i>2.2 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	26,743,920,069	14,543,369,668
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	5,438,790	5,438,790
Lãi trên cổ phiếu	4,917	2,674

*2.3 Thông tin so sánh*

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009 của Công ty Cổ phần Hải Minh đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL. Số dư đầu kỳ đã được phân loại lại theo hướng dẫn tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính.

*2.4 Thông tin khác*

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định của thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kiểm toán cho các giao dịch tại đơn vị có thể được giải thích theo cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Hưng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Công ty Cổ phần Hải Minh



Nguyễn Thành Chương



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Địa chỉ: Tầng 4, Toà nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P. 12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 08 3943 5447 Fax: 08 3943 5446

**Phu lục số 01: Tình hình tăng giảm TSCĐ hữu hình**

<b>Khoản mục</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Ti dụng</b>
<b>I Nguyên giá TSCĐ</b>		
1 Số dư đầu năm	25,940,137,504	68,76
2 Số tăng trong năm	<b>1,199,845,143</b>	<b>87,40</b>
- Mua sắm mới	1,199,845,143	87,40
- Xây dựng mới	-	
- Tăng khác	-	
3 Số giảm trong năm	277,726,667	
- Thanh lý	277,726,667	
- Giám khác	-	
4 Số cuối năm	<b>26,862,255,980</b>	<b>156,17</b>
<b>II Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
1 Số đầu năm	6,433,232,616	<b>58,82</b>
2 Khấu hao trong năm	3,169,957,495	<b>23,19</b>
- Trích trong năm	3,169,957,495	23,19
- Tăng khác	-	
3 Giảm trong năm	277,726,667	
- Thanh lý	277,726,667	
- Giám khác	-	
4 Số cuối năm	<b>9,325,463,444</b>	<b>82,01</b>
<b>III Giá trị còn lại</b>		
1 Tại ngày đầu năm	<b>19,506,904,888</b>	<b>9,94</b>
2 Tại ngày cuối năm	<b>17,536,792,536</b>	<b>74,15</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với I

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Địa chỉ: Tầng 4, Toà nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P. 12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh  
 Điện thoại: 08 3943 5447 Fax: 08 3943 5446

**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31/12/2010

**Phụ lục số 02: Tình hình tăng giảm Vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Năm trước</b>							
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>56,163,800,000</b>	<b>19,339,670,000</b>	-	<b>742,424,655</b>	<b>530,650,069</b>	<b>11,514,128,840</b>	<b>88,290,673,564</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	14,543,369,668	14,543,369,668
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	700,000,000	-	700,000,000
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	11,232,760,000	11,232,760,000
- Giảm khác:	-	-	-	-	-	2,077,873,180	2,077,873,180
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	467,000,000	467,000,000
+ Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	700,000,000	700,000,000
+ Trích lập quỹ ban điều hành, quản lý	-	-	-	-	-	700,000,000	700,000,000
+ Giám khác	-	-	-	-	-	210,873,180	210,873,180
<b>2. Số cuối năm</b>	<b>56,163,800,000</b>	<b>19,339,670,000</b>	-	<b>742,424,655</b>	<b>1,230,650,069</b>	<b>12,746,865,328</b>	<b>90,223,410,052</b>
<b>Năm nay</b>							
<b>1. Số dư ngày 01/01/2010</b>	<b>56,163,800,000</b>	<b>19,339,670,000</b>	-	<b>742,424,655</b>	<b>1,230,650,069</b>	<b>12,746,865,328</b>	<b>90,223,410,052</b>
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	(1,901,520,795)	-	-	-	(1,901,520,795)
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	26,743,920,069	26,743,920,069
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	650,000,000	-	650,000,000
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	16,671,550,000	16,671,550,000
- Giảm khác:	-	-	-	-	-	2,088,262,578	2,088,262,578
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	1,300,000,000	1,300,000,000
+ Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	650,000,000	650,000,000
+ Giám khác	-	-	-	-	-	138,262,578	138,262,578
<b>2. Số dư ngày 31/12/2010</b>	<b>56,163,800,000</b>	<b>19,339,670,000</b>	<b>(1,901,520,795)</b>	<b>742,424,655</b>	<b>1,880,650,069</b>	<b>20,730,972,819</b>	<b>96,955,996,748</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)